

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐẾN VIỆC ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. HOÀNG MẠNH TƯỜNG
Học viện Chính trị Khu vực II



Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa Hiệp định thương mại tự do với việc bảo đảm quyền con người, bài viết đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đến việc bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất các giải pháp bảo đảm các quyền cơ bản của dân tộc thiểu số ở Việt Nam trước tác động của Hiệp định Thương mại tự do thời gian tới.

Từ khóa: Tác động; Hiệp định thương mại; dân tộc thiểu số

1. Hiệp định Thương mại tự do và mối quan hệ với việc bảo đảm quyền con người

Hiệp định thương mại tự do (FTA viết tắt của chữ tiếng Anh Free Trade Agreement) về bản chất là thỏa thuận giữa hai quốc gia (FTA song phương) hoặc một số quốc gia (FTA đa phương) nhằm thực hiện hóa các nguyên tắc tự do trong thương mại quốc tế. Nói cách khác, thương mại tự do là một kiểu thị trường mà trong đó có sự trao đổi, lưu thông hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia được thực hiện một cách thuận lợi, không phải hoặc rất ít chịu những rào cản trong chính sách nhập khẩu⁽¹⁾.

Hiện nay, về mặt lý thuyết, FTA được kỳ vọng sẽ tạo ra những tác động tích cực về nhân quyền với việc cải thiện các quyền về kinh tế, xã hội thông qua những lợi ích kinh tế như nguồn vốn đầu tư, kiến thức, công nghệ mới, tạo thêm nhiều việc làm; làm tăng khả năng tiếp cận thị trường hàng hóa, dịch vụ đa dạng và chất lượng,... Tuy nhiên, trên thực tế, FTA có thể đưa lại những tác động tiêu cực đối với việc bảo đảm quyền con người trong bối cảnh mà “Các hiệp định thương mại song phương được xem là bất lợi cho các quốc gia đang phát triển bởi các hiệp định trên đặt các quốc gia này ở thế yếu hơn do họ thiếu quyền lực đàm phán mặc cả (bargaining power)”⁽²⁾. Ngoài ra, FTA có thể gây tác động tiêu cực đến tất cả các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, như quyền được sống, quyền về lương thực, nước uống, quyền về sức khỏe, nhà ở, quyền về môi trường, quyền không bị di dời cưỡng bức,... Ngay cả các quyền con người được kỳ vọng (trên lý thuyết) sẽ nhận những tác động tích cực từ FTA, thì trên thực tế điều ngược lại cũng dễ xảy ra. Cụ thể, FTA hứa hẹn sẽ tạo thêm nhiều việc làm, tuy nhiên với việc mở cửa thị trường, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước có thể dẫn tới

việc cắt giảm nhân sự (đặc biệt là công nhân tay nghề thấp), thậm chí đóng cửa doanh nghiệp, gây trầm trọng thêm tình trạng thất nghiệp, nhất là ở các quốc gia kém phát triển. Bản sắc địa phương (liên quan đến khía cạnh văn hóa) có thể dần biến mất khi sản phẩm truyền thống không cạnh tranh được với các sản phẩm mới. Những hệ quả khác có thể kéo theo như gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội, gia tăng các tệ nạn, gây bất ổn định xã hội,...

Tóm lại, FTA có tác động hai chiều (tích cực và tiêu cực) đến quyền con người, và cũng được xem như là cơ hội để thúc đẩy và cải thiện nhân quyền ở các quốc gia, nếu các quốc gia có các chính sách đúng đắn. Để thực hiện được điều này, các quốc gia được khuyến nghị sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (Human Rights-Based Approach) và đánh giá tác động nhân quyền (Human Rights Impact Assessment) trong việc xây dựng, thực hiện và đánh giá thực hiện các chính sách có liên quan đến vấn đề nhân quyền, bao gồm cả việc đàm phán và thực hiện FTA.

2. Tác động của Hiệp định Thương mại tự do đối với bảo đảm các quyền cơ bản của dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Kể từ ngày Việt Nam tham gia FTA đầu tiên là AFTA (ASEAN Free Trade Area) vào năm 1996, nay đã thay bằng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), tính đến tháng 5/2021, Việt Nam đã ký kết, thực thi và đang đàm phán tổng cộng 17 FTA. Trong số 17 FTA có 14 FTA đã có hiệu lực, 01 FTA sắp có hiệu lực (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) gồm Asean, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc và New Zealand); 02 FTA đang đàm phán (Việt Nam – EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein) và Việt Nam – Israel)⁽³⁾.

Những hiệp định thương mại nêu trên đã và đang mở ra cho Việt Nam vận hội mới để hội nhập và phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Bên

1. Vũ Công Giao (2016), Tác động hai chiều của các Hiệp định thương mại tự do với việc bảo đảm quyền con người, NXB Hồng Đức, HN, tr.12

2. Xem Martin Khor, *Bilateral/Regional Free Trade Agreements: An Outline of Elements, Nature And Development Implications. The Workshop on Doha and Beyond: Incorporating Human Development into Trade Negotiations, organised by UNDP Regional Centre in Colombo and UNDP Malaysia in partnership with Third World Network*

3. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 5/2021, Trung tâm WTO và Hội nhập

cạn đó, việc tham gia các FTA cũng tạo ra động lực cho quá trình đổi mới thể chế, cải cách nền quản trị quốc gia và mở rộng dân chủ ở nước ta. Chính những tác động nêu trên cũng đã giúp cho Việt Nam có những thuận lợi trong việc bảo đảm quyền con người, trong đó có việc bảo đảm quyền của người DTTS.

Việt Nam là quốc gia với 54 dân tộc cùng chung sống. Với tỷ lệ dân số không đồng đều, 53 dân tộc ít người chỉ chiếm 14,7% dân số, khoảng hơn 14,1 triệu người trong tổng số hơn 90 triệu dân Việt Nam. Đồng bào DTTS sinh sống thành cộng đồng ở 51 tỉnh/thành phố, 548 huyện, 5468 xã. Địa bàn cư trú của đồng bào DTTS chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích tự nhiên của cả nước⁽⁴⁾. Do hoàn cảnh, điều kiện và nhiều nguyên nhân khác nhau chi phối nên lịch sử đã để lại mức độ chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, xã hội giữa các DTTS với nhau cũng như giữa các DTTS với dân tộc đa số. Để đảm bảo những quyền bình đẳng giữa các dân tộc thì việc khắc phục tình trạng chênh lệch trong sự phát triển giữa các dân tộc nên trên là vấn đề trước hết và cơ bản.

Thực hiện chính sách dân tộc nhất quán của Đảng với những nguyên tắc cơ bản là “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”⁽⁵⁾, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc và miền núi nhằm để đảm bảo cho đồng bào về quyền lợi và giúp đỡ họ không bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Đặc biệt từ sau ngày đổi mới đến nay, với sự hội nhập và phát triển mạnh mẽ thông qua việc ký kết các FTA đã giúp cho chúng ta có điều kiện tốt hơn trong việc thực hiện các chính sách dân tộc, qua đó cũng góp phần đảm bảo tốt hơn quyền của đồng bào DTTS. Trong đó, có một số lĩnh vực liên quan đến bảo đảm quyền của người DTTS mà chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu là:

Thứ nhất, về hệ thống chính sách, pháp luật

về bảo đảm quyền cho đồng bào DTTS: Hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm quyền cho người DTTS của nước ta đã từng bước được hoàn thiện, các quy định trong đạo luật đã góp phần hiện thực hóa quyền của người DTTS trên mọi lĩnh vực. Hiện nay, ngoài Hiến pháp ghi nhận, bảo vệ quyền của người DTTS, còn nhiều văn bản luật, dưới luật cũng ghi nhận và bảo vệ quyền của người DTTS trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, dân sự, chính trị, văn hóa và xã hội. Theo thống kê của Ủy ban Dân tộc, giai đoạn 2011 – 2018 cả nước có 205 chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi được ban hành. Tính riêng giai đoạn 2016 - 2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 41 chương trình, chính sách, trong đó có 15 chính sách trực tiếp cho đồng bào DTTS, vùng DTTS và 36 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Tính đến tháng 10 - 2020, nước ta hiện có 118 chính sách dân tộc đang còn hiệu lực, bao gồm 50 chính sách chung không nêu cụ thể đến DTTS, 13 chính sách chung có đề cập đến DTTS, 21 chính sách vùng có DTTS và 34 chính sách cho riêng vùng DTTS và đồng bào DTTS⁽⁶⁾.

Thứ hai, về quyền sống, quyền có việc làm và bảo đảm các điều kiện sống tối thiểu cho đồng bào DTTS: Điều kiện sống của đồng bào đã được cải thiện, các quyền cơ bản của đồng bào được bảo đảm ngày càng tốt hơn theo các nguyên tắc quốc tế về quyền con người. Theo thống kê, đến nay, 100% huyện có đường đến trung tâm huyện; 98,4% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã được tiếp cận với điện lưới quốc gia; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện đạt 93,9%; 100% xã có trường tiểu học và trung học cơ sở, 99,7% xã có trường mầm non, mẫu giáo; 99,3% xã có trạm y tế; gần 100% xã có nhà văn hóa hoặc điểm bưu điện văn hóa ...

⁽⁷⁾ Các tỉnh vùng DTTS&MN có tốc độ tăng trưởng

4. <http://www.cema.gov.vn/thong-bao/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-thuc-trang-kt-xh-cua-53-dtts-nam-2019.htm>

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tập 1, tr.170

6. Ủy ban Dân tộc (2018), Báo cáo tổng kết chính sách dân tộc giai đoạn 2016 – 2020 và đề xuất chính sách giai đoạn 2021 – 2025

7. Báo cáo số 58/BCĐ TW ngày 04/9/2019 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 24 và chỉ thị số 45 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc

8. Chính phủ (2018), Báo cáo đánh giá 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi (Giai đoạn 2016-2018)

kinh tế đạt khá cao. Việc làm và thu nhập của người dân tăng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3-4%/năm, có nói 5%/năm⁽⁸⁾.

Thứ ba, về bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, ở Việt Nam không có tình trạng phân biệt đối xử trong tiếp cận giáo dục cả trên phương diện pháp lý và thực tiễn. Không có sự phân biệt đối xử giữa trẻ em trai và trẻ em gái hoặc trẻ em dân tộc Kinh và trẻ em DTTS, kể cả cấp mầm non. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học được tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, chất lượng giáo dục phổ thông có bước phát triển đáng kể. Mạng lưới trường lớp trung học cơ sở đã phát triển khắp các xã, huyện miền núi, vùng DTTS. Hiện cả nước có 13 cơ sở dạy nghề với nhiệm vụ chủ yếu là dạy nghề cho đồng bào DTTS. Ngoài ra còn có 02 khoa dân tộc nội trú (ở Cao đẳng nghề Sóc Trăng và Cao đẳng nghề Hòa Bình), hệ thống các trung tâm dạy nghề ở các huyện có đồng bào DTTS và nhiều cơ sở dạy nghề khác có đào tạo sinh viên, học sinh, người lao động là người DTTS⁽⁹⁾.

Thứ tư, về quyền tiếp cận y tế, chăm sóc sức khỏe: Chính sách hỗ trợ chăm sóc y tế, sức khỏe cho đồng bào DTTS ở nước ta được thể hiện cụ thể trong các luật có liên quan như Luật Bảo hiểm y tế (BHYT), Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH). Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi nhất cho đồng bào DTTS khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT, BHXH các địa phương tiến hành ký hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT với các cơ sở y tế trên địa bàn, tổ chức khám, chữa bệnh BHYT từ tuyến xã đến tuyến huyện, tỉnh. Đồng thời, ở một số địa phương, việc thực hiện thông tuyến khám, chữa bệnh đối với tuyến huyện đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào DTTS được khám, chữa bệnh ở tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn mà không phải thực hiện thủ tục chuyển tuyến. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, hiện nay ở nhiều địa phương, các cơ sở khám, chữa bệnh đã đầu tư các trang thiết bị, đội ngũ y, bác sĩ được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, ng-

hiệp vụ, thực hiện được nhiều dịch vụ kỹ thuật, tạo niềm tin cho người dân. Ngành y tế cũng tích cực trong việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhằm bảo đảm tốt quyền lợi khám, chữa bệnh bằng BHYT của đồng bào DTTS.

Thứ năm, về quyền tham chính, tham gia quản lý đất nước, điều hành các công việc xã hội: Hiện ở Việt Nam quy định rất cụ thể, đồng bào DTTS hoàn toàn bình đẳng như mọi công dân trong bầu cử và ứng cử, có quyền tham gia giữ các chức vụ trong các tổ chức thực hiện quyền lực chính trị được xã hội chính thức thừa nhận, quyền của người dân trong việc tham gia vào các quyết định liên quan đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng. Các quyền trên của đồng bào DTTS không chỉ được đảm bảo bằng pháp luật mà còn được Nhà nước hỗ trợ, giúp đỡ để có đủ năng lực, điều kiện thực hiện các quyền đó thông qua nhiều chính sách ưu tiên đặc thù để phát triển giáo dục các cho các DTTS, ưu tiên cho đào tạo cán bộ người DTTS như: chính sách cử tuyển, lập dự bị đại học dân tộc, thực hiện luật trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

Thứ sáu, về quyền tiếp cận thông tin: Tính từ năm 2016 đến nay, nhà nước đã chuyển phát 18 loại ấn phẩm báo, tạp chí với số lượng 51,2 triệu tờ (cuốn) với tổng kinh phí xuất bản và phát hành là 322 tỷ đồng. Đài Truyền hình Việt Nam, kênh VTV5 sản xuất và phát sóng hầu hết các ngày trong tuần, gồm 22 thứ tiếng DTTS. Năm 2017 các nhà xuất bản đã sản xuất gần 100 đầu sách với khoảng 250.000 bản sách phục vụ cho đồng bào DTTS. Ngoài ra, các nhà xuất bản còn xuất bản tờ rơi, tờ gấp,... phát hành tới thư viện huyện miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng biên giới, các trường phổ thông DTTS. Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel đã đầu tư hỗ trợ hàng nghìn cột sóng di động đến hầu hết các xã vùng DTTS&MN. Mạng lưới bưu chính có khoảng 16.000 điểm giao dịch, trong đó bao gồm khoảng 7.640 điểm Bưu điện - Văn hóa xã, đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí công ích; thực hiện hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông hiện đại và cung cấp

9 <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=14245>, Số liệu điều tra kinh tế - xã hội của Tổng cục thống kê, tính đến hết 30-9-2015.

các dịch vụ viễn thông, Internet công ích đến với người dân, hỗ trợ đầu tư kỹ thuật số cho các hộ nghèo, cận nghèo; bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống phục vụ sự lãnh đạo, điều hành của đảng ủy, chính quyền các cấp và nhu cầu thông tin liên lạc của người dân⁽¹⁰⁾.

Thứ bảy, về đảm bảo quyền hưởng thụ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Để bảo đảm những quyền trên, Nhà nước đã ban hành những quy định cụ thể tại Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định việc Nhà nước khuyến khích bảo tồn giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ, phát huy những thuần phong mỹ tục trong nếp sống của dân tộc, bài trừ những hủ tục có hại; khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển các nghề thủ công truyền thống; nghiên cứu và ứng dụng y, dược học cổ truyền, duy trì và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực, giá trị về trang phục truyền thống dân tộc. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ban, ngành cũng đã ban hành nhiều quy định để bảo tồn, phát triển văn hóa, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS, tăng cường đầu tư cho bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS ở Việt Nam. Chính nhờ những chính sách này mà những năm gần đây, văn hóa vùng đồng bào DTTS ở nước ta ngày càng phát triển phong phú, văn hóa truyền thống của đồng bào được tôn trọng, giữ gìn và phát huy. Đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc trong những năm qua được cải thiện rất rõ rệt, mức hưởng thụ văn hóa được nâng cao.

Thứ tám, về bảo đảm quyền ngôn ngữ: Thực hiện Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15-7-2010, của Chính phủ, Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, các địa phương vùng đồng bào DTTS sinh sống đã cơ bản thực hiện sự nghiệp xóa mù chữ, phổ cập

giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề tiếp tục tăng với tốc độ cao; trình độ tay nghề, chuyên môn kỹ thuật của lao động từng bước được nâng lên; tiềm lực và trình độ khoa học - công nghệ đã có bước phát triển đáng kể. Hệ thống các trường dự bị đại học và các khoa dự bị đại học dân tộc đang được phát triển cả về quy mô đào tạo và cơ sở vật chất. Các chương trình dạy tiếng dân tộc cho học sinh DTTS bước đầu được quan tâm. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã biên soạn được một số sách giáo khoa dạy chữ viết dân tộc Khmer, Mông, Mnông, Bana, Ê-đê, Chăm, Hoa... Nhiều tỉnh, như Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Đắk Lắk, Gia Lai, Yên Bái, Lào Cai.... đã xây dựng chương trình dạy song ngữ giữa tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số trong nhà trường. Bên cạnh đó, để giữ gìn tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS, Nhà nước và chính quyền các địa phương trên cả nước thường tổ chức các ngày hội giao lưu cấp vùng, miền, khu vực, từng dân tộc và các lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; xây dựng bộ tài liệu phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục tập quán của các dân tộc trên địa bàn đưa vào các thư viện địa phương; hỗ trợ đầu tư, khuyến khích xuất bản phẩm phục vụ trẻ em đồng bào DTTS; tăng cường phối hợp với các cơ quan đơn vị bổ sung các xuất bản phẩm song ngữ bằng tiếng dân tộc – tiếng phổ thông để tăng cường tủ sách cho các thư viện công cộng và các tủ sách văn hóa dân tộc ở cơ sở; tổ chức chiếu phim phục vụ nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN,...

Bên cạnh những thành tựu đạt được nêu trên, quá trình tham gia vào các FTA cũng đang đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam trong việc bảo đảm quyền cho người DTTS. Cụ thể là:

Về hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo quyền cho đồng bào DTTS: Thời gian qua, công tác thể chế hóa, cụ thể hóa chính sách vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều nội dung vẫn chưa được thể chế hóa, đồng bào DTTS vẫn chưa hoàn toàn được thụ hưởng quyền bình đẳng, quyền tham chính của một số DTTS chưa thực sự sâu rộng. Bên cạnh đó, cách tiếp cận xây dựng chính sách chưa thực sự khoa

10. Ủy ban dân tộc (2019), Báo cáo tình hình thực hiện chủ trương của Đảng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc từ năm 2006 đến nay. Đề xuất, kiến nghị chính sách bảo vệ và phát triển đến năm 2035

học; xây dựng chính sách hầu hết mới chỉ đặt ra các kết quả đầu ra mà chưa tính đến hiệu quả cuối cùng; nhiều chính sách được thiết kế chưa phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa của đồng bào. Hơn nữa, trong công tác chỉ đạo điều hành còn chồng chéo, trùng lặp, chưa có sự phối hợp, lồng ghép chặt chẽ nên hiệu quả thấp. Vì vậy, nhiều quyền của đồng bào DTTS vẫn chưa thực sự được đảm bảo, tạo ra những khoảng trống mà các thế lực thù địch lợi dụng để vu khống chúng ta phân biệt đối xử đối với đồng bào DTTS, gây kích động thù hằn dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lấy cớ để mặc cả với chúng ta trên bàn đàm phán.

Về quyền sống, quyền có việc làm và bảo đảm các điều kiện tối thiểu: Đồng bào các DTTS ở nước ta phần lớn sống ở vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, sản xuất chưa phát triển nên khả năng tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản như: giao thông, thông tin liên lạc, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe còn hạn chế. Bên cạnh đó, các điều kiện về bảo đảm lương thực, nhu cầu mặc và chỗ ở an toàn vẫn còn là thách thức đối với một số vùng, nhóm dân cư sinh sống ở các khu vực có môi trường tự nhiên không thuận lợi. Chất lượng giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế và có khoảng cách khá xa so với mặt bằng chung của xã hội; lao động trong độ tuổi qua đào tạo thấp. Vẫn còn tình trạng một bộ phận dân cư mù chữ hoặc tái mù chữ, cộng với trình độ văn hóa thấp đã hạn chế khả năng tiếp cận và thụ hưởng các thành quả phát triển gắn với tiêu chí về các quyền cơ bản. Do đó, khả năng tự bảo vệ các quyền cơ bản, quyền công dân của cá nhân được pháp luật thừa nhận cũng hạn chế. Hệ thống chính trị cơ sở và năng lực đội ngũ cán bộ còn yếu kém; nhiều vấn đề bức xúc chậm được giải quyết,... tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng, kích động gây chia rẽ dân tộc.

Về tiếp cận dịch vụ giáo dục: mặt bằng giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào các DTTS vẫn

còn có khoảng cách đáng kể với người Kinh. Chất lượng nguồn nhân lực đồng bào DTTS còn hạn chế, đội ngũ cán bộ DTTS thiếu và một bộ phận yếu về trình độ chuyên môn.

Về tiếp cận y tế và chăm sóc sức khỏe: do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa các vùng, miền nên đang gia tăng sự bất bình đẳng trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội, trong đó có dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà đồng bào DTTS có nhu cầu rất lớn; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế thiếu và chưa đồng bộ; số cán bộ có trình độ chuyên sâu thiếu trầm trọng, nhất là cán bộ người địa phương; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế theo chế độ cử tuyển gặp nhiều bất cập do chỉ tiêu giao không ổn định, thiếu kinh phí...; công tác phòng chống dịch bệnh chưa đáp ứng yêu cầu bởi nhận thức của đồng bào còn hạn chế, phong tục, tập quán lạc hậu; do thiếu thông tin về chính sách bảo hiểm y tế nên tần suất khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của đồng bào thấp, kết dư quỹ bảo hiểm y tế lớn trong khi người dân lại chưa được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ kỹ thuật trong chăm sóc sức khỏe cơ bản; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống ở một số dân tộc còn diễn ra...

Về quyền tham chính, tham gia quản lý nhà nước và xã hội: Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người DTTS, nhưng tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp còn rất thấp so với người Kinh. Đa số các tỉnh đều có tỷ lệ cán bộ là người DTTS thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ dân số là người DTTS trên địa bàn.

Về quyền tiếp cận thông tin: Đối với chương trình cấp phát báo miễn phí, nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, chính sách phát miễn phí báo, tạp chí, tờ gấp pháp luật hiện không mang tính thiết thực và lãng phí. Hiện đồng bào và cán bộ xã đã sử dụng internet để nắm bắt thông tin, nghe loa - đài phát thanh, xem truyền hình để tăng cường nhận thức và hiểu biết. Lý do đa số người DTTS trong độ tuổi lao động, trung niên và người già không

đọc được chữ, kể cả chữ của dân tộc mình. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chính sách này, việc kiểm tra, rà soát, điều chỉnh số lượng, địa chỉ các đối tượng thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo được cấp ấn phẩm báo, tạp chí còn chậm. Công tác kiểm tra việc vận chuyển, phát hành các ấn phẩm báo, tạp chí tại các địa phương chưa thường xuyên và chặt chẽ, vẫn để tình trạng tồn đọng báo, tạp chí ở một số thôn, bản. Bên cạnh đó, các chương trình tiếng dân tộc còn thiếu tính chuyên biệt, kết cấu các chương trình phát thanh tiếng dân tộc nhìn chung còn đơn điệu, một chương trình chỉ có thời lượng 30-45 phút và mỗi ngày chỉ có 1 chương trình nên kết cấu của 12 chương trình của 12 tiếng dân tộc trên VOV tương đối giống nhau, ít cải biến, thay đổi từ nhiều năm nay

Về quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, ngôn ngữ truyền thống: Văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ bị mai một, bị đồng hóa. Đồng bào ít được thụ hưởng những thành quả chung của cả nước. Bản sắc và giá trị văn hóa cốt lõi tốt đẹp của các dân tộc chưa làm được nhiệm vụ là nhịp cầu vững chắc, kết nối gắn bó chặt chẽ giữa các dân tộc; ở nhiều vùng, văn hóa chưa thể hiện vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển. Ảnh hưởng của văn hóa người Kinh và tị nạn xã hội gia tăng trong vùng DTTS. Xu hướng biến đổi văn hóa theo văn hóa của dân tộc Kinh và một số dân tộc có dân số đông đang diễn ra mạnh mẽ. Hậu quả là văn hóa truyền thống của một số dân tộc thiểu số bị mai một, mất dần bản sắc, ngôn ngữ, ... Đồng thời với quá trình đó, lại du nhập các tệ nạn xã hội mới như: tiêm chích ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV tăng nhanh; tội phạm trộm cắp, cướp giật, đánh bạc, buôn bán phụ nữ, trẻ em, ... diễn biến phức tạp; biến đổi phong tục, tập quán, đạo đức, lối sống đã và đang tác động, ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội vùng DTTS cũng như quyền của người DTTS.

Sự phát triển quá nóng của đạo Tin lành đã và đang làm mai một đi bản sắc văn hóa, ngôn ngữ của nhiều đồng bào DTTS, gây mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc, giữa những người theo đạo và không theo

đạo; một số nơi chức sắc đứng đầu của đạo Tin lành tập hợp người dân chống lại các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước, lôi kéo, kích động đồng bào gây bạo loạn. Các tà đạo như Vàng Chử, Thanh Hải vô thượng sư, Long hoa di lạc, Tiên rồng; các tổ chức đội lốt tôn giáo như tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh, ... ở phía Bắc, Tin lành Đê Ga, Hà Môn ở Tây Nguyên, ... và vi phạm nghiêm trọng quyền con người của người DTTS

4. Giải pháp bảo đảm các quyền cơ bản của dân tộc thiểu số ở Việt Nam trước tác động của Hiệp định Thương mại tự do thời gian tới

Một là, Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm cơ sở pháp lý ngày càng đầy đủ hơn cho việc bảo vệ và thúc đẩy, phát triển các quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, yêu cầu tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội như là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người. Việc bảo đảm các quyền cho đồng bào DTTS phải được coi là đối tượng ưu tiên và phải được thể chế hóa bằng luật pháp, chính sách, được luật pháp tôn trọng, bảo vệ và có giá trị thực tiễn. Bảo đảm tính thống nhất giữa pháp luật chung với những quy định mang tính đặc thù. Việc thể chế hóa các nội dung quyền cụ thể căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - xã hội cụ thể của đất nước phù hợp trong từng giai đoạn theo chủ trương, nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

Hai là, Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ủy ban dân tộc. Đảm bảo tính thống nhất trong quá trình triển khai chính sách dân tộc, tiếp tục tăng cường tập trung đầu mối quản lý các chính sách tại Ủy ban dân tộc thuộc Chính phủ ở Trung ương và các Ban Dân tộc, Phòng dân tộc ở địa phương. Cần đổi mới hình thức, phương pháp khi xây dựng và ban hành chính sách dân tộc. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho địa phương và cộng đồng người DTTS. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng dân tộc của Quốc hội và thúc đẩy xây

dựng mô hình về cơ quan nhân quyền quốc gia. Hội đồng dân tộc và MTTQ Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn trong các vấn đề về công tác dân tộc, nhằm thúc đẩy cơ chế “phản biện xã hội” thực sự được hoạt động hiệu quả, có tác động tích cực đến thực hiện quyền của người DTTS ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, *Tập trung chính sách vào vùng DTTS để giải quyết bằng được vấn đề phát triển kinh tế, thực hiện giảm nghèo bền vững cho đồng bào, nhất là các DTTS đang sống ở các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.* Thực hiện tái cơ cấu các nội dung hỗ trợ trong chính sách giảm nghèo theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư hỗ trợ các hoạt động phát triển sinh kế, nâng cao năng lực cho hộ và cộng đồng. Bảo đảm các điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất, tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,... Giải quyết vấn đề đất sản xuất cho đồng bào DTTS. Từng bước điều chuyển, tiến tới phân bổ lại lao động vùng DTTS cho hợp lý. Có cơ chế, chính sách để thu hút doanh nghiệp đầu tư, phát triển tại vùng dân tộc, nhất là các vùng khó khăn, khuyến khích hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất kinh doanh tại chỗ, đặc biệt là cơ sở của đồng bào DTTS.

Bốn là, *Nâng cao dân trí, năng lực nội tại, giúp đồng bào có khả năng chủ động tham gia các hoạt động, lao động, sản xuất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.* Tiếp tục nghiên cứu, khai thác, phổ biến giá trị chữ viết cổ truyền của người DTTS, đặc biệt là các giá trị nhân bản và nhân văn. Hoàn thiện việc xây dựng phiên âm tiếng Việt cho các dân tộc rất ít người chưa có chữ viết nhằm lưu giữ lại tiếng nói của các dân tộc có số dân dưới 2000 người trong giai đoạn hiện nay. Có kế hoạch dạy chữ viết và tiếng nói cổ truyền cho trẻ em người DTTS không còn biết đến ngôn ngữ của dân tộc mình. Trong lĩnh vực sức khỏe, cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, đặc biệt chương trình dân số kế hoạch gia đình và

chương trình dinh dưỡng, nhằm hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số, nhất là các vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn. Cần có chương trình, đề án hoặc chính sách riêng về cải thiện và nâng cao thể trạng, tầm vóc cho người DTTS. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, đưa mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch y tế, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh, tạo thuận lợi cho người bệnh bảo hiểm y tế. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các tuyến, đặc biệt là trạm y tế xã vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS. Phát triển mô hình đội y tế lưu động để triển khai các hoạt động khám chữa bệnh tại vùng DTTS; xây dựng chế độ chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành y tế miền núi, dân tộc; tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt đối với nhân lực y tế công tác tại vùng miền núi, dân tộc, vùng khó khăn.

Năm là, *Đầu tư xây dựng và củng cố các thiết chế văn hóa ở vùng DTTS, vừa bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, vừa thúc đẩy quá trình giao lưu, hòa nhập văn hóa, kinh tế - văn hóa, tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc.* Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học về nhân học (dân tộc học) để đánh giá tính hợp lý, bền vững của các giá trị tộc người, đưa ra các giải pháp ủng hộ, khích lệ công tác bảo tồn, tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa hay loại bỏ các thành tố văn hóa nào đều phải rút ra từ quan điểm phát triển. Cần tăng cường đổi mới công tác quản lý văn hóa, xây dựng cơ chế chính sách và phương pháp quản lý phù hợp, thực hiện quyền của người DTTS, trong đó chú ý bảo vệ các giá trị văn hóa bền vững của người DTTS thông qua việc lưu giữ những kho tàng tri thức vô giá về quản lý và khai thác tự nhiên; về bảo vệ môi trường đất và rừng; về thực hành sinh kế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng./.